

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

LÊ ĐỖ TUẤN KHƯƠNG

**MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY ĐỐI VỚI
HỘ NGHÈO CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH
XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NAM**

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng
Mã số : 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN HÒA NHÂN

Phản biện 1: TS. Hồ Hữu Tiến

Phản biện 2: TS. Phan Văn Tâm

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại Học Đà Nẵng vào ngày 24 tháng 03 năm 2013.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

LỜI MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, trong những năm qua nhằm chuyển nền kinh tế nước ta từ tự cung tự cấp, tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN, nền kinh tế nói chung và nền kinh tế Nông nghiệp Việt Nam nói riêng đã đạt được những thành tựu hết sức quan trọng: Lạm phát được kiềm chế ở mức thấp, đời sống của đại bộ phận dân chúng được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên bên cạnh sự tăng thu nhập của số đông dân cư, vẫn còn tồn tại một bộ phận dân chúng nghèo khổ, hầu hết sống tập trung ở các vùng nông thôn, miền núi hải đảo, vùng sâu vùng xa.... Một xã hội với sự phân hóa giàu nghèo đang diễn ra ngày một sâu sắc, khoảng cách giàu nghèo ngày một rộng, như vậy đã đặt ra một thách thức đối với các nhà hoạch định chính sách làm thế nào để đưa ra những giải pháp phù hợp để kinh tế xã hội phát triển, đời sống được nâng cao đồng đều trong dân chúng bởi một nền sản xuất hàng hoá không thể phát triển hoàn chỉnh nếu còn đại đa số dân chúng ở nông thôn còn nghèo khổ. Điều này không những ảnh hưởng về mặt chính trị - xã hội mà còn ảnh hưởng về mặt kinh tế, nền kinh tế phát triển không đồng đều, quặt quẹo – do sự chênh lệch về mức độ phát triển giữa nông thôn và thành thị.

Nhằm thực hiện chủ trương xoá đói giảm nghèo, thu hẹp dần khoảng cách mức sống giữa thành thị và nông thôn, xây dựng xã hội văn minh, Chính phủ đã cùng một số Bộ, Ngành đề ra nhiều Chính sách giúp đỡ người nghèo để họ có thể tự mình khắc phục khó khăn, vươn lên làm ăn có hiệu quả góp phần thu hẹp diện nghèo và rút ngắn khoảng cách về chênh lệch thu nhập trong xã hội.

2. Mục tiêu nghiên cứu đề tài

- Đề tài làm rõ các vấn đề lý luận về mở rộng hoạt động cho vay đối với hộ nghèo của NHCSXH và các chỉ tiêu đánh giá mức độ mở rộng hoạt động cho vay hộ nghèo của NHCSXH.

- Đánh giá thực trạng mở rộng cho vay hộ nghèo của NHCSXH tỉnh Quảng Nam và phân tích các hạn chế, nguyên nhân trong mở rộng cho vay hộ nghèo của ngân hàng.

- Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm mở rộng hoạt động cho vay đối với hộ nghèo của NHCSXH tỉnh Quảng Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Những vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động cho vay hộ nghèo của NHCSXH tỉnh Quảng Nam.

- Phạm vi nghiên cứu: Hoạt động cho vay hộ nghèo của NHCSXH tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2009 – 2011 và có những giải pháp đề xuất cho đến 2015.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, các phương pháp được sử dụng trong quá trình viết luận văn: Thống kê, tổng hợp số liệu, tài liệu các loại để so sánh, phân tích, đánh giá hoạt động mở rộng cho vay đối với hộ nghèo tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam qua 3 năm 2009 – 2011.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, kết cấu luận văn gồm 03 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận về mở rộng cho vay hộ nghèo của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Chương 2: Thực trạng mở rộng hoạt động cho vay đối với hộ nghèo tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2009 – 2011.

Chương 3: Giải pháp mở rộng hoạt động cho vay hộ nghèo tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam.

6. Tổng quan tài liệu

Mở rộng hoạt động cho vay đối với hộ nghèo là thực hiện chính sách của Đảng và Nhà Nước ta trong công cuộc xây dựng đất nước và phát triển xã hội. Cùng với sự phát triển như vũ bão của nền kinh tế thì sự phân hóa giàu nghèo càng trở nên rõ rệt, kéo theo hàng loạt các vấn đề cần giải quyết như phát sinh các tiêu cực, các tệ nạn xã hội. Hỗ trợ người nghèo giúp người nghèo có được công ăn, việc làm tạo ra nguồn thu nhập, có cơ hội xoá nguồn gốc tiêu cực góp phần thực hiện xây dựng xã hội văn minh, bình đẳng. Hỗ trợ người nghèo là yêu cầu cấp bách đặt ra đối với mỗi quốc gia, giải quyết vấn đề đói nghèo là mối quan tâm chung của toàn xã hội và đòi hỏi phải sử dụng một nguồn lực lớn.

Luận văn của tác giả Trần Xuân Trang năm 2004 với đề tài: *“Mở rộng cho vay đối với hộ nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam”*. Phần cơ sở lý luận tác giả đã trình bày tương đối chi tiết một số khái niệm cơ bản về Ngân hàng Chính sách, các hoạt động cơ bản của Ngân hàng Chính sách và hoạt động cho vay đối với hộ nghèo. Tác giả đã xây dựng các tiêu chí đo lường mức độ mở rộng cho vay đối với hộ nghèo của Ngân hàng Chính sách.

Luận văn của tác giả Trần Quyết Thắng năm 2007 với đề tài “*Cho vay hộ nghèo tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lý Nhân. Chi nhánh tỉnh Hà Nam. Thực trạng và giải pháp*”. Phần cơ sở lý luận tác giả đã hệ thống những vấn đề cơ bản về Ngân hàng Chính sách như: Mục tiêu, hoạt động huy động và cho vay, nguyên tắc cho vay...sau đó, đã nêu lên tính cấp thiết và vai trò cho vay hộ nghèo. Phần chương 2, tác giả nêu thực trạng cho vay hộ nghèo tại phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Đánh giá chung về thực trạng và chất lượng tín dụng cho vay hộ nghèo tại phòng giao dịch NHCSXH huyện Lý Nhân như: những mặt đạt được, hạn chế và nguyên nhân của nó. Từ đó rút ra được giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả cho vay hộ nghèo tại phòng giao dịch Ngân hàng CSXH Huyện Lý Nhân.

Luận văn của tác giả Huyền Thị Thùy Linh năm 2008 với đề tài “*Giải pháp góp phần phát triển hoạt động cho vay người nghèo tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam*”. Kết cấu bài làm gồm 3 phần, phần cơ sở lý luận tác giả đã đưa ra một số khái niệm cơ bản về Ngân hàng CSXH như mục tiêu, cơ chế, ý nghĩa của hoạt động cho vay đặc biệt là cho vay hộ nghèo. Phần này tác giả cũng đã nêu lên tính cấp thiết đối với nhu cầu vay vốn của người nghèo và một số nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động cho vay hộ nghèo. Phần hai, tác giả đánh giá thực trạng cho vay của Ngân hàng CSXH Việt Nam đối với hộ nghèo, qua các số liệu thực tế thu thập được tác giả đã rút ra những thành tựu đạt được và hạn chế, nguyên nhân tác động đến hoạt động cho vay đối với hộ nghèo. Từ đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần phát triển hoạt động cho vay người nghèo tại NHCSXH Việt Nam. Các giải pháp này khá chi tiết, cụ thể, dễ dàng áp dụng vào thực tiễn hoạt động cho vay hộ nghèo của NHCSXH, tuy nhiên các giải pháp chưa mang tính đồng bộ thống nhất cao.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY HỘ NGHÈO CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1.1. TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1.1.1. Khái niệm Ngân hàng Chính sách xã hội

Ngân hàng Chính sách là một tổ chức tín dụng mà hoạt động chủ yếu là cho vay theo chính sách và kế hoạch của Nhà nước (cho vay chính sách).

1.1.2. Các hoạt động cơ bản của Ngân hàng Chính sách xã hội NHCSXH là tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ thực hiện các hoạt động cơ bản là huy động vốn, cho vay và các hoạt động khác.

a. Huy động vốn

- *Vốn có nguồn gốc từ Nhà nước*
- *Nguồn vốn từ các tổ chức chính trị, xã hội*
- *Huy động trên thị trường trong và ngoài nước*

b. Hoạt động cho vay

Thứ nhất, do yêu cầu của chính sách kinh tế, xã hội. Với vai trò quản lý xã hội về mọi mặt, bộ máy các cơ quan quản lý Nhà nước phải hoạch định các chính sách kinh tế, xã hội hợp lý nhằm đảm bảo cho nền kinh tế phát triển cân đối, đảm bảo sự tồn tại cho một số ngành, lĩnh vực cần thiết cho xã hội nhưng bản thân nó lại không mang lại lợi nhuận; bảo đảm cho xã hội ổn định, không có chênh lệch giàu nghèo quá đáng tức là phải đầu tư phát triển những ngành kinh tế then chốt đồng thời có chiến lược xoá đói giảm nghèo hợp lý. Trong phạm vi chức năng, nghiệp vụ của mình, các tổ chức kinh tế xã hội của Nhà nước, trong đó có NHTM quốc doanh phải có trách nhiệm thực hiện chính sách, yêu cầu của Chính phủ.

Thứ hai, do tính chất nguồn vốn và yêu cầu quay vòng vốn. Trong nhiều trường hợp, Nhà nước không thể dùng quỹ NSNN để cấp phát trực tiếp cho doanh nghiệp, hộ gia đình. Với các nguồn vốn được cấp và tự huy động, các NHTM có thể cho vay cho các đối tượng theo các nguyên tắc tín dụng và qua đó sẽ bù đắp một phần chi phí của ngân hàng. Qua đó, vốn sẽ được quay vòng, tạo điều kiện mở rộng đối tượng được hưởng lợi, góp phần cho các chính sách của đất nước được thực hiện trong giai đoạn dài.

Bên cạnh hai hoạt động cơ bản trên, giống như các NHTM khác, cùng với hoạt động huy động và sử dụng vốn, NHCS cũng thực hiện một số hoạt động khác như: bảo lãnh, trung gian thanh toán, tư vấn...

1.1.3. Những quy định chung về cho vay hộ nghèo của Ngân hàng Chính sách xã hội

a. Mục đích cho vay

Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay ưu đãi đối với hộ nghèo nhằm phục vụ sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống, góp phần thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xoá đói giảm nghèo và việc làm, ổn định xã hội.

b. Nguyên tắc cho vay

Hộ nghèo vay vốn phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích:
- Hoàn trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn đã thoả thuận

- Trách nhiệm liên đới: trách nhiệm này được thể hiện thông qua hình thức cho vay theo nhóm thông qua sử dụng sức ép của những người trong cùng một nhóm như là sự thay thế cho tài sản thế chấp. Sự chậm trả của một thành viên thường có nghĩa là việc cho vay tiếp đối với các thành viên khác trong nhóm sẽ bị đình chỉ đến khi nào món vay được hoàn trả. Đây là mô hình được áp dụng rộng rãi trong cho vay đối với người nghèo, những người không thể đáp ứng các đòi hỏi về thế chấp truyền thống của hầu hết các NHTM.

- Khuyến khích khách hàng: hứa cho vay, số tiền vay tăng dần và mức giá ưu đãi cho những khách hàng trả tiền vay đúng hạn.

c. Phương thức cho vay

Để vốn vay đến tay các hộ nghèo, ngân hàng thường sử dụng hai phương thức chủ yếu là cho vay theo nhóm và cho vay cá nhân.

- o Cho vay theo nhóm:
- o Cho vay cá nhân, từng hộ:

d. Hình thức cho vay và thời hạn cho vay

- Thời hạn cho vay

Vay ngắn hạn : Là khoản vay có thời hạn đến 12 tháng.

Vay trung hạn: Là khoản vay có thời hạn từ trên 12 tháng đến 60 tháng.

Vay dài hạn: Là khoản vay có thời hạn từ 60 tháng trở lên

- Hình thức cho vay

Bên cho vay và hộ vay thoả thuận căn cứ vào:

- Mục đích sử dụng vốn vay.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh (đối với cho vay sản xuất, kinh doanh, dịch vụ).
- Khả năng trả nợ của hộ vay.
- Nguồn vốn cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội.

e. Mức cho vay

Mức cho vay đối với từng hộ nghèo được xác định căn cứ vào nhu cầu vay vốn, vốn tự có và khả năng hoàn trả nợ của hộ vay. Mỗi hộ có thể vay vốn một hay nhiều lần nhưng tổng dư nợ không vượt quá mức dư nợ cho vay đối với mỗi hộ nghèo do Hội đồng Quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định và công bố từng thời kỳ.

f. Lãi suất cho vay

- Lãi suất cho vay ưu đãi đối với hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ quyết định cho từng thời kỳ, thống nhất một mức trong phạm vi cả nước. Lãi suất cho vay cụ thể có thông báo riêng của Ngân hàng Chính sách xã hội, thời điểm hiện nay lãi suất vay là 0,5%/tháng.

- Ngoài lãi suất vay, hộ nghèo vay vốn không phải trả thêm bất kỳ một khoản phí nào khác.

g. Các hình thức bảo đảm tiền vay

Nhóm liên đới:

Cho vay dựa trên uy tín và tính cách:

Tiết kiệm bắt buộc:

Bảo lãnh của bên thứ ba:

1.2. MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO CỦA NHCSXH

1.2.1. Nội dung mở rộng hoạt động cho vay hộ nghèo của NHCSXH

- Mở rộng quy mô cho vay đối với hộ nghèo
- Đa dạng hóa loại hình hộ nghèo được vay vốn
- Nâng cao chất lượng cho vay hộ nghèo
- Hạn chế rủi ro cho vay hộ nghèo

Sau đây ta đi vào phân tích từng nội dung cụ thể

a. Mở rộng quy mô cho vay đối với hộ nghèo

b. Đa dạng hóa loại hình hộ nghèo được vay vốn

c. Nâng cao chất lượng cho vay hộ nghèo

d. Hạn chế rủi ro cho vay hộ nghèo

1.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả mở rộng hoạt động cho vay đối với hộ nghèo của NHCSXH

Từ các nội dung mở rộng trên đây, để đánh giá kết quả của mở rộng cho vay hộ nghèo, ta dùng các chỉ tiêu sau:

a. Tăng trưởng số lượng hộ nghèo được vay vốn ngân hàng

Đối với một ngân hàng hoạt động vì mục tiêu tối đa hóa giá trị vốn chủ sở hữu, việc tăng số lượng khách hàng vay vốn là một trong những tiêu chí quan trọng làm tăng doanh thu của ngân hàng, giúp ngân hàng đạt được mục tiêu sinh lời. Đối với NHCS phục vụ các đối tượng chính sách mà ở đây là hộ nghèo, trong điều kiện còn vô số hộ nghèo chưa được tiếp cận với vốn chính thức của ngân hàng, nhu cầu vốn xóa đói giảm nghèo ngày càng gia tăng thì tiêu chí tăng số lượng hộ nghèo

được vay vốn là chỉ tiêu quan trọng nhất đánh giá nỗ lực của NHCS trong mở rộng cho vay.

NHCS cần khai thác triệt để các kênh dẫn vốn để các hộ nghèo có đủ điều kiện được vay vốn ngân hàng cũng như được hướng dẫn sử dụng vốn vay có hiệu quả. Như đã phân tích, vốn được chuyển tới hộ nghèo theo hai phương thức là trực tiếp và thông qua ủy thác. Đối với hộ nghèo, vốn sẽ được chuyển đến đúng đối tượng là hộ nghèo thông qua các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể tại địa phương nơi hộ nghèo sinh sống.

Số hộ nghèo được vay vốn ngân hàng tăng lên hàng năm đồng nghĩa với khối lượng công việc ngân hàng phải giải quyết cũng sẽ tăng thêm, rủi ro tín dụng đối với vốn cho vay càng cao. Việc tăng số lượng khách hàng trên mỗi nhân viên tín dụng phải cân bằng với khả năng của họ trong việc cung cấp một mức độ phù hợp vốn vay cho khách hàng và đảm bảo thu hồi được gốc và lãi vay.

b. Tăng trưởng dư nợ cho vay đối với hộ nghèo vay vốn

Chỉ tiêu thứ hai đánh giá nỗ lực của ngân hàng trong mở rộng cho vay hộ nghèo là tăng dư nợ cho vay đối với hộ nghèo. Dư nợ cho vay của ngân hàng đối với hộ nghèo là chỉ tiêu phản ánh số tiền ngân hàng hiện đang cho vay hộ nghèo tính đến thời điểm cụ thể. Chỉ tiêu này được xem xét trên hai giác độ là dư nợ cho vay hộ nghèo của ngân hàng và dư nợ cho vay bình quân một hộ nghèo. Khi ngân hàng gia tăng được số lượng hộ vay vốn thì mức dư nợ của ngân hàng sẽ tăng. Mức tăng dư nợ cho vay hộ nghèo phụ thuộc vào nỗ lực của ngân hàng trong việc tăng số hộ được vay, tăng quy mô món vay, và tăng số lần được vay vốn của mỗi hộ.

Chỉ tiêu dư nợ cho vay có quan hệ với chỉ tiêu doanh số cho vay, doanh số cho vay trong kỳ là tổng số tiền ngân hàng đã cho vay trong kỳ.

c. Tăng trưởng dư nợ bình quân hộ nghèo vay vốn

Chỉ tiêu này thể hiện sự tăng trưởng số vốn vay của hộ nghèo qua từng năm, người nghèo tiếp cận được vốn càng nhiều sẽ tham gia sản xuất có quy mô, lợi nhuận được tốt hơn.

d. Đa dạng hóa tài trợ qua cơ cấu dư nợ cho vay theo vùng miền, theo ngành nghề

Để mở rộng cho vay thì ngân hàng phải không ngừng đa dạng hóa các hình thức tín dụng cho phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng. Mục tiêu của NHCS chuyển vốn đến hộ nghèo là hướng người

vay sử dụng vốn vào mục đích phát triển sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập, phổ biến là chăn nuôi, trồng trọt, buôn bán, cung ứng dịch vụ, làm nghề thủ công truyền thống... Thậm chí ngân hàng còn cho hộ nghèo vay để trả nợ và tiêu dùng trong gia đình. Tùy điều kiện và thể mạnh của từng địa phương, gia đình mà cán bộ ngân hàng cần có những tư vấn cho hộ nên sử dụng vốn vào mục đích nào có hiệu quả, đầu tư vào những lĩnh vực không bị phụ thuộc quá nhiều vào điều kiện tự nhiên. Qua đó, vốn vay sử dụng hiệu quả, đảm bảo khả năng quay vòng vốn để tiếp tục cho vay của ngân hàng.

e. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu trong cho vay hộ nghèo của ngân hàng

Cho vay hộ nghèo với đối tượng khách hàng rộng lớn, vốn vay để tiêu dùng và đưa vào sản xuất nhỏ, sản xuất nông nghiệp, cơ sở hạ tầng thấp kém nên không thể tránh khỏi nợ quá hạn. Đối với các món cho vay hộ nghèo, việc ngân hàng áp dụng các biện pháp “phạt tài chính” như chuyển nợ quá hạn, áp dụng lãi phạt, ngừng không giải ngân tiếp vốn cho vay... thường không mang lại hiệu quả mong muốn bằng việc đánh giá từng bước tình hình sử dụng vốn của hộ, phân tích nguyên nhân nảy sinh rủi ro, cùng họ tìm biện pháp giải quyết.

1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến mở rộng hoạt động cho vay đối với hộ nghèo của NHCSXH

a. Nhân tố bên trong ngân hàng

Một là, người nghèo là người hèn kém, không biết làm ăn nên qua bao đời luôn thất bại trong cuộc sống nên cần phải cứu giúp họ. Quan điểm này đứng từ trên nhìn xuống, coi thường người nghèo, muốn đưa tay cứu vớt họ nhưng không tin tưởng ở họ dẫn đến hạn chế khai thác tiềm năng của người nghèo.

Hai là, người nghèo cũng là con người, cũng được sinh ra như những người khác, họ nghèo chẳng qua là vì họ thiếu **cơ hội** để làm những điều mà người khá giả làm được. Đói nghèo đã cướp đi quyền con người của họ. Cái họ thiếu là cơ hội, nếu cho họ tiếp cận được những thứ này thì họ có thể làm được những điều mà người giàu làm được và thoát nghèo. Cơ hội đối với người nghèo có thể được xem là sự kết hợp giữa hai yếu tố: sở hữu tài sản (hoặc ít nhất được tiếp cận với tài sản) và thu nhập có được từ những tài sản đó. Nhiều khi tài sản chính của người nghèo chỉ là sức lao động, nếu không có được những công việc được trả lương tốt thì một mình tài sản này không đủ để đảm bảo thu nhập cho cả hộ. Quan điểm này tôn trọng người nghèo, đặt niềm tin vào họ nên đã giúp họ phát huy khả năng của mình và đóng

góp vào sự phát triển của cộng đồng. Thực tế cho thấy quan điểm thứ hai về người nghèo là đúng đắn. Người nghèo nhìn chung đều có khả năng và biết làm ăn, có tính tự trọng và muốn vươn lên thoát khỏi đói nghèo.

- Chính sách lãi suất của ngân hàng
- Khả năng huy động vốn đầy đủ, phù hợp và kịp thời.
- Mức độ ổn định trong hoạt động của ngân hàng.
- Mức độ cung cấp các dịch vụ xã hội cho người nghèo

b. Nhân tố bên ngoài

- Khách hàng vay vốn
- Đối tượng hộ nghèo thường ít biết về chính sách mà Ngân hàng chính sách dành cho mình do thông tin không đến được.

- Nhiều hộ không thuộc diện hộ nghèo vẫn vay vốn được do có quan hệ tốt với Ngân hàng...

- Tình trạng phát triển kinh tế - xã hội
- Sự thay đổi của các yếu tố kinh tế như tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, tiết kiệm, đầu tư của Nhà nước ảnh hưởng rất lớn đến khả năng thu hút vốn, phân bổ vốn

- Môi trường xã hội an toàn, ổn định sẽ tạo sự an tâm cho người dân làm ăn và thu hút vốn, cho vay sẽ dễ dàng hơn.

- Kinh tế vĩ mô ổn định với các biên cố giá cả, lãi suất, lạm phát ổn định sẽ làm cho khách hàng của hoạt động cho vay hộ nghèo nhiều cơ hội phát triển sản xuất và như thế sẽ tăng thêm nhu cầu vay vốn. Sự ổn định về lạm phát và lãi suất tạo tâm lý yên tâm cho người gửi tiền, từ đó tạo nguồn vốn lớn và ổn định cho ngân hàng. Kinh tế vĩ mô ổn định sẽ góp phần tạo điều kiện cho người đi vay có điều kiện ổn định sản xuất, tạo nguồn thu để trả nợ ngân hàng. Ngược lại sự bất lợi về kinh tế vĩ mô sẽ kéo theo sự trì trệ và có thể dẫn đến sự đổ vỡ của hệ thống tín dụng.

- Khung pháp lý

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1, nội dung chủ yếu tập trung trình bày 2 vấn đề lớn:

- Luận giải các vấn đề liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội .

- Luận giải các vấn đề liên quan đến mở rộng hoạt động cho vay hộ nghèo của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Những nội dung trình bày trong chương 1 là cơ sở để triển khai các nội dung phân tích và đánh giá thực trạng mở rộng cho vay hộ nghèo tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam trong chương 2 và đề xuất các giải pháp trong chương 3.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY ĐÓI VỚI HỘ NGHÈO Ở NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NAM

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NAM

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Quảng Nam có tọa độ địa lý từ 108⁰26'16" đến 108⁰44'04" độ kinh Đông, và từ 15⁰23'38" đến 15⁰38'43" độ vĩ Bắc. Phía bắc giáp thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế, phía nam giáp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum, phía đông giáp biển Đông, phía tây giáp tỉnh Sê Kông của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Hiện nay Quảng Nam có hai thành phố trực thuộc tỉnh là Tam Kỳ và Hội An cùng 16 huyện trải rộng từ miền núi đến vùng đồng bằng và duyên hải. Trung tâm hành chính của tỉnh Quảng Nam đặt tại thành phố Tam Kỳ.

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Cách đây 15 năm (1/1/1997 – 1/1/2011), tỉnh Quảng Nam được tái lập theo Nghị quyết Quốc hội khóa IX tại kỳ họp thứ 10 trên cơ sở chia tách tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng. Từ một tỉnh có xuất phát điểm thấp, kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, kết cấu hạ tầng yếu kém, đời sống đại bộ phận nhân còn rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với quyết tâm, đồng lòng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tinh nhà, chỉ trong vòng 15 năm ngắn ngủi, Quảng Nam đã vượt qua khó khăn, thách thức vươn lên sánh vai với những tỉnh thành phát triển trên toàn quốc.

Tốc độ tăng tổng sản phẩm (GDP) trên địa bàn giai đoạn 1997-2010 tăng 10,57%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh, công nghiệp và dịch vụ ngày càng phát triển. Giá trị các ngành thương mại – dịch vụ tăng bình quân hơn 14%. Du lịch có tốc độ tăng trưởng nhanh, nhất là sau khi Khu Di tích Mỹ Sơn và Khu phố cổ Hội An được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới. Năm 2011, ngành du lịch đã đón trên 2,5 triệu lượt khách, gấp hơn 11 lần so với 1997. Giá trị sản xuất các ngành nông, lâm ngư nghiệp tăng bình quân hàng năm 3,56%. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm trên 27%, riêng năm 2011 xuất khẩu đạt 336 triệu USDD, gấp hơn 22 lần so với 1997. Thu nhập bình quân đầu người tăng trên 10 lần, từ 2,1 triệu đồng năm 1997 lên gần 22,5 triệu đồng năm 2011.

Từ một tỉnh lệ thuộc hoàn toàn vào trợ cấp ngân sách Trung

ương, thu nội địa chỉ đạt 157 tỷ đồng năm 1997, đến nay, tổng thu nội địa trên địa bàn đạt 4.200 tỷ đồng, tăng gần 27 lần, tỷ lệ thu nội địa đóng góp trong GDP chiếm 5,3% năm 1997 lên trên 12,2% năm 2011

Trong những năm đầu tái lập, toàn tỉnh chỉ có vốn vẹn 1 Khu công nghiệp (KCN) Điện Nam - Điện Ngọc và 100 doanh nghiệp hoạt động, trong đó chủ yếu là các doanh nghiệp nhà nước với quy mô nhỏ. 15 năm qua, tỉnh đã không ngừng cải thiện môi trường đầu tư, một số chỉ tiêu như: tính năng động, cải cách thủ tục hành chính, thông tin cho các doanh nghiệp .. đã được cải thiện đáng kể. Và đến nay toàn tỉnh đã có trên 5.300 doanh nghiệp, riêng FDI đã có 81 dự án với tổng vốn đầu tư trên 4,7 tỷ USD. Toàn tỉnh hiện có 9 KCN với 115 dự án đầu tư, tổng vốn đăng ký hơn 1,4 tỷ USD và 2.300 tỷ đồng. Ngoài ra, còn có thêm 108 cụm công nghiệp (CCN) được quy hoạch. Trong đó, Khu kinh tế mở Chu Lai đã trở thành khu vực động lực phát triển công nghiệp của tỉnh và là một trong những khu kinh tế thành công nhất của cả nước, thu hút nhiều dự án đầu tư với một số nhà máy quy mô lớn như Công ty CP ô tô Chu Lai - Trường Hải, Công ty CP Kính nổi Chu Lai...

2.2. NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NAM

2.2.1. Quá trình hình thành và phát triển của NHCSXH Tỉnh Quảng Nam

Quảng Nam là một tỉnh nằm ở miền Trung, có 18 đơn vị hành chính huyện, thành phố . Nền kinh tế của tỉnh Quảng Nam chủ yếu vẫn là nông nghiệp, vì vậy kinh tế phát triển chậm, tỷ lệ hộ nghèo cao.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ IX về Luật các tổ chức tín dụng và nghị quyết kỳ họp thứ X Quốc hội khoá X về Chính sách tín dụng đối với hộ nghèo, các đối tượng chính sách khác và tách việc cho vay chính sách ra khỏi hoạt động tín dụng thông thường của các Ngân hàng thương mại, cơ cấu lại hệ thống Ngân hàng, Chính phủ đã ban hành nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng Chính sách khác và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04 năm 10 năm 2002 về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (viết tắt là NHCSXH) tên giao dịch quốc tế là VIETNAM BANK FOR SOCIAL POLICES (VBSP) để thực hiện tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách.

Ngân hàng Chính sách xã hội là một tổ chức tín dụng của Nhà nước hoạt động không với mục đích lợi nhuận, được Nhà nước đảm

bảo khả năng thanh toán, được huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, tiếp nhận các nguồn vốn của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp để cho vay người nghèo và cho vay các đối tượng chính sách khác. NHCSXH có hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống liên ngân hàng trong nước, thực hiện các dịch vụ Ngân hàng về thanh toán và ngân quỹ, nghiệp vụ ngoại hối phù hợp với khả năng và điều kiện thực tế. Ngân hàng Chính sách xã hội có bộ máy quản lý và điều hành thống nhất trong cả nước, có mạng lưới Chi nhánh phòng giao dịch tại các địa phương. Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội sở chính, Chi nhánh và Phòng giao dịch do Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội quy định.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam được thành lập theo Quyết định số 155/QĐ – HĐQT ngày 19/3/2003 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội. Ngày 13/8/2003 đã khai trương ra mắt và chính thức đi vào hoạt động. Cùng với sự phát triển chung của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam đã từng bước sắp xếp, củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức cho phù hợp với yêu cầu đặt ra của nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo hoạt động bình thường, nhất là khi có chỉ thị 09 ngày 16/3/2005 của Thủ tướng chính phủ về nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng chính sách xã hội.

2.2.2. Bộ máy tổ chức và mạng lưới hoạt động

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam có 01 Giám đốc, 02 Phó giám đốc phụ trách kế toán và tín dụng, bên dưới là các phòng ban trực thuộc.

Để hoạt động được thuận tiện và phù hợp với địa bàn nông thôn rộng. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam bố trí mạng lưới giao dịch bao gồm: Trụ sở Chính ở trung tâm thành phố Tam Kỳ, 18 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện và 220 điểm giao dịch trực tiếp tại UBND các xã.

2.2.3. Tình hình hoạt động kinh doanh tại ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam

Mặc dù là một tỉnh phải chịu nhiều thiên tai lũ lụt, hoạt động còn gặp nhiều khó khăn song tập thể cán bộ nhân viên Chi nhánh NHCSXH tỉnh Quảng Nam đã đoàn kết, đồng tâm, đồng sức khắc phục khó khăn, lao động cần cù phấn đấu vươn lên và đạt được một số kết quả đáng kể.

Bảng 2.1: Nguồn vốn của Chi nhánh NHCSXH tỉnh Quảng Nam
Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
		Giá trị	(%)	Giá trị	(%)	Giá trị	(%)
	Tổng vốn	1.876.500	100	2.246.944	100	2.641.520	100
1	Nguồn vốn TW	1.823.544	97.17	2.184.168	97.2	2.582.720	97,80
2	Nguồn huy động tại địa phương	3.255	0.17	3.976	0,18	9.912	0.46
3	Nguồn ủy thác tại địa phương	49.701	2.66	58.800	2.63	48.800	1.84

**(Nguồn: Chi nhánh NHCSXH tỉnh Quảng Nam)*

Qua bảng số liệu ta thấy tổng nguồn vốn đã tăng lên rõ rệt, năm 2009 tổng nguồn vốn là 1.876.500 triệu đồng, năm 2010 tổng nguồn vốn là 2.246.944 triệu đồng, đến 31/12/2011 tổng nguồn vốn: 2.641.000 triệu đồng, tăng 394.056 triệu đồng.

- Tốc độ tăng trưởng nguồn vốn năm 2010 là 17,56%. Kết quả tăng trưởng nguồn vốn có được là sự tăng lên của nguồn vốn TW, nguồn vốn địa phương tăng mặc dù vốn ủy thác tại địa phương có chiều hướng giảm xuống.

- Cơ cấu nguồn vốn chủ yếu là nguồn vốn Trung Ương (từ 97,2% đến 97,7%), tỷ trọng của nguồn vốn huy động tại địa phương từ 0,18% đến 0,46% , vốn ủy thác tại địa phương dưới 2%. Việc cấp bù lãi suất của Chính phủ cho NHCSXH cũng có những khó khăn nên việc huy động vốn để cho vay tại Chi nhánh NHCSXH tỉnh Quảng Nam không thể tăng trưởng được mà chỉ thực hiện chỉ tiêu kế hoạch giao. Do vậy mà sự tăng trưởng nguồn vốn của chi nhánh phụ thuộc chủ yếu vào nguồn vốn Trung Ương chuyển về.

Bảng 2.2: Dư nợ cho vay hộ nghèo

Đvt: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	2010/2009		2011/2010	
					+/-	%	+/-	%
1	Dư nợ	1.636.387	2.177.336	2.581.880	480.949	29	464.544	22
1.1	CV hộ nghèo	1.400.247	1.797.152	2.122.008	396.905	28	324.856	18

A	CV thông thường	1.400.247	1.797.152	2.122.008				
B	CV các dự án							
1.2	CV giải quyết việc làm	236.140	295.176	328.160	59.036	25	32.984	11
1.3	CV HSSV có hoàn cảnh khó khăn			2.240				
1.4	CV ĐTCS đi LĐ có thời hạn ở NN		39.648	45.472			5.824	14.7
1.5	CV nước sạch và VSMT			84.000				

**(Nguồn: Chi nhánh NHCSXH tỉnh Quảng Nam)*

Từ số liệu trên ta thấy rằng: Tổng dư nợ năm 2010 đạt 2.177.336 triệu đồng, tăng 480.949 triệu đồng, tăng 29% so với năm 2009. Đến năm 2011 tổng dư nợ đạt 2.581.880 triệu đồng, tăng 464.544 triệu đồng, tăng 22% so với năm 2010. Dư nợ chiếm tỷ trọng chủ yếu là cho vay hộ nghèo còn dư nợ cho vay giải quyết việc làm là không đáng kể. Phản ánh thực trạng NH chú trọng tập trung vào đối tượng vay là các khách hàng thuộc diện nghèo theo tiêu chuẩn đánh giá của chính quyền địa phương.

2.3. THỰC TRẠNG MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO CỦA NHCSXH TỈNH QUẢNG NAM

2.3.1. Thực trạng mở rộng dư nợ và mở rộng số hộ vay vốn

Qua nghiên cứu số liệu cho vay hộ nghèo qua 3 năm 2009, 2010, 2011 của NHCSXH tỉnh Quảng Nam ta có kết quả như sau:

Bảng 2.3: Dư nợ cho vay hộ nghèo và số hộ vay vốn

Đvt: triệu đồng, hộ

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
Dư nợ cho vay	1.400.247	1.797.152	2.122.008
Tốc độ tăng trưởng dư nợ (%)	7	28%	18%
Số hộ vay vốn	55.873	53.765	65.030
Tốc độ tăng trưởng số hộ vay vốn (%)		-3,8%	21%

(Nguồn: Chi nhánh NHCSXH tỉnh Quảng Nam)

Thuyết minh:

- Dự nợ cho vay năm 2009 đạt 1.400.247 triệu đồng thì đến năm 2010 đạt 1.797.152 triệu đồng tăng 396.905 triệu đồng, với tốc độ tăng 28% so với năm 2009. Năm 2011 đạt 2.122.008 triệu đồng tăng 324.956 triệu đồng, với tốc độ tăng 18% so với năm 2010. Điều này phản ánh dự nợ cho vay liên tục tăng qua từng năm theo nhu cầu thực tế và chính sách cho vay hộ nghèo ngày càng nới lỏng hơn. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng dự nợ năm 2011 tăng chậm hơn so với năm 2010. Nhưng tốc độ số hộ vay vốn năm 2011 tăng 21%, trong khi đó năm 2010 giảm đến 3,8%. Điều này chứng tỏ rằng tốc độ tăng dự nợ có xu hướng giảm nhưng tốc độ tăng trưởng hộ vay vốn tăng rất nhanh.

2.3.2. Thực trạng đa dạng hóa mở rộng cho vay theo cơ cấu dự nợ

a. Thực trạng cơ cấu dự nợ theo ngành nghề

Những năm qua NHCSXH tỉnh Quảng Nam đã tạo điều kiện tối đa cho nhiều ngành nghề phát triển, do đặc thù nhiều ngành nghề nhỏ lẻ nên nguồn vốn của Ngân hàng tiếp cận chưa đồng đều, chưa phát huy được tối đa hiệu quả phát triển ngành nghề.

Bảng 2.4: Dự nợ cho vay hộ nghèo theo ngành, nghề

Đvt: Triệu đồng

Chi tiêu	2009		2010		2011	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
- Trồng trọt, chăn nuôi	670.085	42	938.120	44	1.219.556	47
- Ngư nghiệp	484.650	30	346.179	16	377.355	14
- Lâm nghiệp	414.025	28	737.458	35	982.343	39
- Nước sạch			84.000	4		
Tốc độ tăng trưởng						

(Nguồn: Chi nhánh NHCSXH tỉnh Quảng Nam)

Thuyết minh:

- Năm 2009 cơ cấu cho vay ngành trồng trọt chăn nuôi đạt 670.085 triệu đồng chiếm tỷ trọng lớn nhất là 42%, ngư nghiệp đạt 484.650 triệu đồng chiếm tỷ trọng 30%, còn lâm nghiệp chỉ đạt 414.025 triệu đồng chiếm 28%. Năm 2010 cho vay ngành trồng trọt chăn nuôi có xu hướng tăng chiếm 44%, ngư nghiệp giảm xuống còn 16%, lâm nghiệp tăng nhanh chiếm đến 35%, cho vay nước sạch 4%

- Năm 2011 cho vay tiếp tục tăng cao đặc biệt 2 ngành trồng trọt, chăn nuôi và lâm nghiệp với tỷ trọng chiếm 47% và 39%. Thể hiện xu hướng cho vay của ngân hàng chú trọng mở rộng cho vay trồng trọt, chăn nuôi và lâm nghiệp. Còn hạn chế cho vay ngư nghiệp.

b. Thực trạng dư nợ bình quân qua các năm 2009-2010-2011 hộ nghèo vay vốn

Thực trạng nguồn vốn vay bình quân của hộ vay vốn là chưa đáp ứng được nhu cầu nguồn vốn vay hộ nghèo. Đây là vấn đề làm cho hộ nghèo chưa phát huy hết hiệu quả nguồn vốn mang lại.

Bảng 2.5: Dư nợ bình quân vay vốn hộ nghèo

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
Dư nợ cho vay bình quân hộ nghèo	25	33	32
Tốc độ tăng trưởng		32%	-3%

**(Nguồn: Chi nhánh NHCSXH tỉnh Quảng Nam)*

Thuyết minh:

- Dư nợ cho vay bình quân năm 2010 là 33 triệu đồng tăng 8 triệu đồng so với năm 2009, đạt tốc độ tăng trưởng 32% so với năm 2009.

- Dư nợ cho vay bình quân năm 2012 giảm 1 triệu đồng so với năm 2010, giảm 3% so với năm 2010.

Điều này chứng tỏ rằng dư nợ bình quân cho vay hộ nghèo tăng qua từng năm. Mỗi hộ nghèo gia tăng về dư nợ do ngân hàng đã đáp ứng nhiều hơn nguồn vốn cho hộ nghèo, xu hướng mở rộng cho vay không những tăng về số lượng mà còn tăng về chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

c. Thực trạng cơ cấu dư nợ theo vùng miền

Quảng Nam là địa bàn có nhiều vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn. Nhiều năm qua NHCSXH tỉnh Quảng Nam đã phân cấp nguồn vốn về đến xã, thôn, ủy thác cho vay đến nhiều hộ chưa có điều kiện, phương tiện để tiếp nhận nguồn vốn.

Bảng 2.6: Dư nợ cho vay hộ nghèo theo vùng, miền

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2009		2010		2011	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
- Miền núi, khu vực khó khăn	549.066	35	713.785	34	1.070.677	41
- Thành thị	392.190	25	411.799	19	313.752	12
- Đồng bằng, trung du	627.504	40	980.173	47	1.194.825	47
Tốc độ tăng trưởng						

**(Nguồn: Chi nhánh NHCSXH tỉnh Quảng Nam)*

Thuyết minh:

- Năm 2009 dư nợ cho vay khu vực miền núi, khu vực khó khăn là 549.066 triệu đồng, chiếm 35%, khu vực thành thị chiếm 25%, khu vực đồng bằng, trung du chiếm tỷ trọng lớn nhất là 40%

- Năm 2010 dư nợ cho vay khu vực miền núi, khu vực khó khăn là 713.784 triệu đồng, chiếm 34%, khu vực thành thị chiếm 19%, khu vực đồng bằng, trung du chiếm 47%

- Năm 2011 dư nợ cho vay khu vực miền núi, khu vực khó khăn là 1.070.677 triệu đồng, chiếm 41%, khu vực thành thị chiếm 12%, khu vực đồng bằng, trung du chiếm 47%.

Điều này thể hiện rằng mặc dầu cho vay khu vực đồng bằng, trung du và khu vực miền núi khu vực khó khăn luôn tăng về tỷ trọng, còn khu vực thành thị liên tục giảm do chính sách của ngân hàng chính sách ưu tiên những khu vực vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn thể hiện vai trò của ngân hàng.

d. Thực trạng mức giảm tỷ lệ nợ xấu qua các năm 2009-2010-2011

NHCSXH tỉnh Quảng Nam đã thực hiện nhiều biện pháp hạn chế tình trạng nợ xấu gia tăng như kiểm soát hồ sơ vay vốn hộ nghèo, thường xuyên kiểm tra đôn đốc nhằm tăng hiệu quả nguồn vốn cho vay.

Bảng 2.7: Nợ xấu cho vay hộ nghèo

Đvt: Triệu

đồng

Chi tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
- Dư nợ cho vay hộ nghèo	1.400.407	1.797.152	2.122.008
- Dư nợ xấu cho vay hộ nghèo	7.027	4.984	7.464
- Tỷ lệ nợ xấu cho vay hộ nghèo (%)	0.5	0.27	0.35
- Tỷ lệ (+/-) (%)		-0.46	0.29

**(Nguồn: Chi nhánh NHCSXH tỉnh Quảng Nam)*

Thuyết minh

- Nợ xấu năm 2010 là 4.984 triệu đồng, tỷ lệ nợ xấu cho vay hộ nghèo đạt 0.27% trên tổng số dư nợ cho vay hộ nghèo, giảm 0.46% so với năm 2009. Thể hiện rằng dư nợ tăng nhanh nhưng do công tác xử lý nợ xấu hoạt động hiệu quả nên tỷ lệ nợ xấu giảm xuống.

- Nợ xấu năm 2011 là 7.464 triệu đồng, tỷ lệ nợ xấu cho vay hộ nghèo đạt 0.35% trên tổng số dư nợ cho vay hộ nghèo, tăng 0.29% so với năm 2010. Thể hiện rằng tỷ lệ nợ xấu tăng rất nhanh.

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC TRẠNG MỞ RỘNG CHO VAY HỘ NGHÈO CỦA NHCSXH TỈNH QUẢNG NAM

2.4.1 Những kết quả đạt được

Cho vay hộ nghèo không phải là một vấn đề đơn giản, bởi những đối tượng vay vốn là những hộ nghèo thường bị hạn chế về kiến thức, trình độ sản xuất, chăn nuôi, lại sống ở những nơi có cơ sở hạ tầng thấp kém do đó để đảm bảo chất lượng tín dụng đối với hộ nghèo NHCSXH tỉnh Quảng Nam phải đối mặt với những khó khăn nhất định. Nếu mở rộng cho vay một cách ào ạt để đạt được chỉ tiêu đề ra thì đồng vốn có khi không đến đúng tay hộ nghèo có khả năng sản xuất kinh doanh. Việc sử dụng vốn không hiệu quả, chất lượng không đảm bảo dẫn đến phát sinh nợ quá hạn nhưng nếu khắt khe và sợ không thu được nợ thì NHCSXH cũng không đạt được mục tiêu đề ra.

Trong thời gian qua, hoạt động của NHCSXH tỉnh Quảng Nam đã đạt được một số kết quả nhất định về kinh tế cũng như xã hội từng bước khẳng định vị trí vai trò của mình trong cộng đồng người nghèo.

Kết quả cho vay hộ nghèo được thể hiện ở sự tăng lên về doanh số cho vay, doanh số thu nợ. Nhờ nguồn vốn của NHCSXH tỉnh Quảng Nam mà nhiều người nghèo đã có thêm việc làm, phát huy hiệu quả trong sản xuất chăn nuôi, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, từng bước thoát khỏi cảnh nghèo đói, vươn lên hoà nhập cộng đồng.

Công tác cho vay hộ nghèo được biểu hiện về mặt xã hội rất rõ nét, đã thúc đẩy phong trào hoạt động các tổ chức hội, đoàn thể ở nông thôn ngày càng phong phú đa dạng, làm tăng tính cộng đồng xã hội, tinh thần tương thân tương ái. Đặc biệt công tác cho vay hộ nghèo đã hạn chế được các tệ nạn xã hội nhất là trong những ngày nông nhàn. Nhiều hộ nghèo vươn lên tiếp cận với sản xuất hàng hoá và vượt khỏi ngưỡng nghèo đói. Kiểm tra các dự án, về cơ bản các dự án phát triển tốt, mang lại hiệu quả kinh tế, giải quyết một phần lao động dư tại địa phương.

- Dư nợ cho vay tăng trưởng cao qua các năm là tín hiệu lạc quan về hoạt động cho vay hộ nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam. Mức tăng trưởng dư nợ cho vay năm 2011 tăng cao so với năm 2009 là 60.9% cho thấy được nỗ lực của ngân hàng trong việc tăng số hộ được vay, tăng quy mô món vay, và tăng số lần được vay vốn của mỗi hộ.

- Ngân hàng đã đa dạng hóa tài trợ cho các ngành nghề tăng trưởng dư nợ qua các năm tăng cao, với điều kiện tự nhiên miền núi chiếm diện tích lớn, nguồn vốn đến hộ nghèo để triển khai hoạt động

trồng rừng, chăn nuôi trồng trọt. Điều đó cho thấy sự quan tâm của các cấp chính quyền, sâu sát hơn là Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam đã nỗ lực, tạo điều kiện tối đa cho ngành nghề truyền thống, ngành nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên phát triển.

- Hộ nghèo khu vực miền núi, khó khăn đã tiếp cận được nguồn vốn và tăng trưởng dần qua các năm. Các hộ nghèo các vùng miền, kể cả thành thị cũng đã được quan tâm, hoạt động mở rộng cho vay của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam đã cơ cấu dư nợ tốt các vùng miền.

- Dư nợ cho vay tăng chứng tỏ hộ nghèo được tiếp cận nguồn vốn nhiều hơn để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng khả năng sinh lời trên đồng vốn đầu tư.

- Ngân hàng đã hạn chế tối đa rủi ro nguồn vốn vay, dư nợ quá hạn là không cao trên tổng số cho vay cho thấy sự kiểm soát nguồn vốn và đối tượng vay của Ngân hàng là đảm bảo an toàn.

2.4.2. Những hạn chế và nguyên nhân

- Đây là kênh tín dụng bao cấp mà nguồn vốn phụ thuộc quá lớn vào nguồn Trung Ương chuyển về, còn nguồn vốn huy động tại địa phương lại tập trung chủ yếu vào nguồn ngân sách tỉnh

- Mức tăng dư nợ năm 2011 không cao bằng năm 2010 do yếu tố khách quan về tình hình kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn, nguồn vốn vay huy động, nguồn vốn TW không đủ nhu cầu về vốn vay của hộ nghèo...

- Cho vay ngư nghiệp có chiều hướng giảm, điều kiện tự nhiên của Quảng Nam gắn liền với biển, là điều kiện để khai thác, đánh bắt thủy sản. Nhưng do thiên tai, lụt bão làm cho ngành ngư nghiệp dễ bị mất vốn, không có lãi. Ngân hàng đã thấy được điểm yếu và hạn chế cho vay để tránh rủi ro nợ xấu.

- Tuy nguồn vốn vay đã mở rộng đến tất cả các vùng miền nhưng cơ cấu chưa phù hợp, khu vực miền núi khó khăn cần bố trí nguồn vốn lớn hơn. Việc người nghèo khu vực miền núi, khu vực khó khăn tiếp cận nguồn vốn vay không đơn giản, về vấn đề này bản thân Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam chưa tiếp xúc sâu sát, tạo điều kiện cho hộ nghèo khi vực này tiếp cận vốn.

- Tốc độ tăng trưởng dư nợ bình quân cho vay hộ nghèo là chưa cao để đáp ứng được nhu cầu về vốn vay của hộ nghèo.

- Nợ xấu năm 2011 tăng 0.29% so với năm 2010 do ngân hàng chưa kiểm soát tốt ngành nghề nhạy cảm với sự sa sút của kinh tế Việt Nam và thế giới trong năm khủng hoảng kinh tế toàn thế giới.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2, luận văn đặt trọng tâm vào thực trạng mở rộng cho vay hộ nghèo tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam dựa trên cơ sở là các tiêu chí đánh giá quá trình mở rộng cho vay đã nêu ở chương 1.

Luận văn cũng tiến hành phân tích những kết quả, hạn chế và một số nguyên nhân ảnh hưởng đến việc mở rộng cho vay hộ nghèo tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam.

Kết quả nghiên cứu của chương 2 là cơ sở để đề xuất các giải pháp trong chương 3.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP MỞ RỘNG CHO VAY ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO Ở NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NAM

3.1. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA NHCSXH TỈNH QUẢNG NAM ĐẾN 2015

3.1.1. Định hướng chung của NHCSXH Việt Nam

Mở rộng tiếp cận hộ nghèo gắn liền với việc nâng cao chất lượng tín dụng trên cơ sở ưu tiên vốn cho những hộ chưa được vay, những xã đặc biệt khó khăn, gắn tín dụng hộ nghèo với các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, từng bước nâng cao trình độ sản xuất, kinh doanh, cụ thể: Cấp tín dụng Ngân hàng phải kết hợp với các chương trình khuyến nông, khuyến lâm; hướng dẫn cách thức sản xuất kinh doanh.

Cấp tín dụng cho hộ nghèo phải bám vào mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương. Huy động được nguồn vốn cho hộ nghèo đã khó nhưng kiểm soát được nguồn vốn đó được sử dụng có đúng mục đích, có hiệu quả hay không còn là việc khó hơn vì vậy cần phải phối hợp cùng các ban ngành, đoàn thể xã hội giám sát việc sử dụng vốn vay của hộ nghèo nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư..

Thường xuyên bồi dưỡng đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ và kiện toàn công tác tổ chức điều hành.

Căn cứ vào kết quả hoạt động trong thời gian qua và định hướng chiến lược phát triển kinh tế – xã hội từng giai đoạn, NHCSXH xây dựng kế hoạch hoạt động như sau: Hàng năm, nâng nguồn vốn cho vay hộ nghèo tăng so năm trước từ 30-40%.

3.1.2. Định hướng của NHCSXH tỉnh Quảng Nam

Căn cứ vào định hướng của NHCSXH Việt Nam, NHCSXH tỉnh Quảng Nam, Căn cứ vào mục tiêu kinh tế của tỉnh năm 2010 - 2015, NHCSXH tỉnh Quảng Nam tiếp tục mở rộng công tác cho vay hộ nghèo, mở rộng tín dụng luôn gắn liền với an toàn và hiệu quả.

Tập trung tăng trưởng mạnh cho vay hộ nghèo, đảm bảo sự phát triển lâu dài và bền vững.

• *Các mục tiêu cụ thể trong năm tới là:*

- Tăng trưởng dư nợ đạt 40 - 50%
- Tỷ lệ nợ quá hạn từ 0,35% xuống còn 0,2%
- Tỷ lệ thu lãi đạt 98% trở lên.
- Ký hợp đồng ủy thác với ĐTN của 18 huyện, thành phố trên

toàn tỉnh.

3.2. GIẢI PHÁP MỞ RỘNG CHO VAY ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO Ở NHCSXH TỈNH QUẢNG NAM

3.2.1. Mở rộng đối tượng hộ nghèo vay vốn

Việc mở rộng đối tượng hộ nghèo vay vốn cần được triển khai để tất cả các hộ nghèo cần vốn kinh doanh thoát nghèo được tiếp cận nguồn vốn vay, các hộ cận nghèo cũng nên có chính sách ưu đãi. Tuy nhiên việc mở rộng phải đi đôi với kiểm soát để không có tình trạng người không diện hộ nghèo vẫn vay được vốn ưu đãi.

Hiện nay vẫn còn nhiều hộ cận nghèo, tuy nhiên số đối tượng này không đủ điều kiện để được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội. Đồng thời, họ cũng không đủ điều kiện để tiếp cận với nguồn vốn của các ngân hàng thương mại. Do vậy, Ngân hàng chính sách xã hội đã đề xuất với cấp có thẩm quyền cho phép đối tượng này được vay vốn ưu đãi để đầu tư sản xuất, bởi vì, theo quy định hiện hành, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội. Còn đối với các ngân hàng thương mại, muốn vay được vốn buộc phải có thể chấp hoặc chứng minh được năng lực tổ chức sản xuất để đảm bảo khả năng trả nợ thì mới đủ điều kiện tiếp cận vốn.

Qua đó, giúp cho hộ cận nghèo được tiếp cận với vốn của ngân hàng để làm ăn, phát triển cuộc sống, không rơi vào tình trạng tái nghèo. Còn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội phục vụ thêm đối tượng này cũng không ảnh hưởng đến chi phí hoạt động của ngân hàng.

Ngoài được ưu đãi về lãi suất thấp, các hộ cận nghèo nếu được vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội còn được hưởng những ưu đãi

đặc biệt mà không ngân hàng thương mại nào đáp ứng được. Đó là ưu đãi về cách thức cho vay.

Cụ thể, vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội, người dân được nhận ưu đãi lớn nhất là vay mà không phải thế chấp tài sản. Đồng thời thủ tục vay vốn người dân sẽ được các tổ, nhóm, hội, đoàn thể giúp. Một ưu đãi khác mà người dân được hưởng là cách xử lý nợ, cũng như cách kết hợp vừa cho vay vốn, vừa hướng dẫn làm ăn.

Đặc biệt là ưu đãi bằng cách cho người dân vay vốn tại xã, do đó chi phí vay vốn của người dân rất thấp và người dân không phải lo gì cả. Bởi vì, để được vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội, người dân chỉ mất công đi lại 2 lần. Lần thứ nhất đến họp tổ tại thôn để bình xét, sau đó các tổ chức chính trị - xã hội giúp làm thủ tục. Lần thứ hai người dân đem theo giấy hẹn để đến xã nhận tiền, hàng tháng có người đến tận nhà thu lãi. Đây là ưu đãi rất lớn đối với người dân khi vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội.

3.2.2. Đa dạng hóa cơ cấu cho vay hộ nghèo

Cần đa dạng hóa cho vay tất cả các ngành nghề, đặc biệt là ngành nghề thủ công truyền thống. Cần quan tâm nhiều hơn đến vùng khó khăn như miền núi, hải đảo để hộ nghèo thật sự tiếp cận được nguồn vốn vay.

3.2.3. Đa dạng hóa và tăng cường khai thác các nguồn vốn của ngân hàng

3.2.4. Từng bước xoá bỏ chính sách cho vay theo lãi suất ưu đãi

Thứ nhất, cho vay theo lãi suất ưu đãi đặc biệt, thấp hơn lãi suất huy động trên thị trường. Quan điểm này cho rằng, hộ nghèo và các đối tượng chính sách nói chung là có khó khăn về tài chính, đang ở những vùng, những lĩnh vực kinh tế cần được ưu tiên đầu tư nên phải sử dụng công cụ lãi suất để kích thích đầu tư, giảm bớt khó khăn về tài chính. Do đó cho vay với lãi suất càng thấp càng tốt.

Thứ hai, cho vay theo lãi suất thị trường để giúp người vay quen dần với sân chơi bình đẳng trong nền kinh tế thị trường, kinh tế hàng hoá, mặt khác giúp giảm nhẹ gánh nặng cho NSNN và đảm bảo tính bền vững cho các tổ chức tín dụng cho vay, phù hợp với xu hướng hội nhập khu vực và hội nhập quốc tế.

Hai quan điểm trên đều có những mặt tích cực và mặt đúng của nó, vấn đề là vận dụng trong điều kiện nào cho phù hợp.

Tuy nhiên, trước hết, vị trí của lãi suất ưu đãi trong công thức trên cần phải được điều chỉnh lại như sau:

Lãi suất huy động vốn trên thị trường < lãi suất cho vay ưu đãi < lãi suất cho vay trên thị trường.

Theo tính toán, lãi suất ưu đãi hiện nay chủ yếu ở mức 0,5%/tháng, nếu điều chỉnh lên mức 0,6%/tháng, cao hơn lãi suất huy động vốn hiện nay của các NHTM, thì với mức tăng 0,1%/tháng này và với mức dư nợ năm 2003 là khoảng 12.000 tỷ đồng thì trong một năm, NHCSXH tăng thu được 144 tỷ đồng, NSNN sẽ giảm được 1/3 số vốn cấp bù cho NHCSXH. Mặt khác, với tỷ lệ lạm phát của nền kinh tế trong 6 tháng đầu năm 2004 đạt 7,2% (1,2%/tháng), nếu vẫn duy trì lãi suất 0,5%/tháng có nghĩa là lãi suất thực của ngân hàng bị âm trong nhiều tháng qua. Mức lãi suất điều chỉnh này có thể giúp ngân hàng huy động vốn thông qua tiền gửi của dân cư do đã có thể cạnh tranh về lãi suất với các NHTM khác.

3.2.5. Tăng cường kiểm soát rủi ro, đảm bảo cho việc hoàn trả vốn vay đầy đủ và đúng hạn

3.2.6. Đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ và tâm huyết với sự nghiệp xóa đói giảm nghèo

3.3. KIẾN NGHỊ NHẪM MỞ RỘNG CHO VAY ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO TẠI NHCSXH TỈNH QUẢNG NAM

- Thứ nhất, tập trung sức nâng cao năng lực tài chính cho NHCSXH tỉnh Quảng Nam để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vay vốn của hộ nghèo và các đối tượng chính sách.

- Thứ hai, HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam quan tâm đến vấn đề tăng trưởng kinh tế, đảm bảo công bằng đi đôi với xóa đói giảm nghèo.

- Thứ ba, Cần chú trọng nâng cao trình độ dân trí, trình độ sản xuất kinh doanh của hộ nghèo.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 của luận văn đã giải quyết các vấn đề sau:

- Định hướng các hoạt động của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam đến năm 2015

- Đề xuất các giải pháp nhằm mở rộng hoạt động cho vay đối với hộ nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Nam.

- Luận văn cũng đề xuất các kiến nghị với cơ quan chính quyền, với chủ thể ngân hàng, các kiến nghị này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các giải pháp đã đề xuất

KẾT LUẬN

Từ trước đến nay ở Việt nam chưa có một trung gian tài chính nào thành công trong việc cung cấp vốn cho hộ nghèo thoát khỏi đói nghèo một cách lâu dài và bền vững. Khả năng huy động vốn có hạn, phụ thuộc vào các chính sách kinh tế và tài chính của Chính phủ, địa phương, các điều kiện cho vay còn nhiều ưu đãi... nếu không được điều chỉnh kịp thời sẽ cản trở hoạt động của ngân hàng trong thời gian tới.

Mục tiêu trước mắt của ngân hàng là mở rộng khả năng tiếp cận vốn của ngân hàng đến với càng nhiều hộ nghèo càng tốt nhưng vẫn phải đảm bảo những nguyên tắc cơ bản của tín dụng ngân hàng, có ưu đãi nhưng các ưu đãi phải giảm dần. NHCSXH tỉnh Quảng Nam có rất nhiều việc phải làm: mở rộng huy động tiết kiệm trong dân cư, đào tạo cán bộ các Tổ tiết kiệm và vay vốn về xác định đối tượng vay vốn và giám sát việc sử dụng vốn vay, giảm dần các điều kiện ưu đãi về lãi suất trong cho vay hộ nghèo, tuyên dụng và đào tạo cán bộ tín dụng... Với mong muốn xây dựng NHCSXH tỉnh Quảng Nam trở thành một trung gian tài chính giúp các hộ nghèo, cần vốn làm ăn để thoát nghèo, nâng cao đời sống xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển tỉnh Quảng Nam.

Luận văn đã khái quát được các vấn đề lý thuyết về cho vay đối với hộ nghèo, đối chiếu vào hoạt động cụ thể của NHCSXH tỉnh Quảng Nam, đánh giá quá trình mở rộng cho vay đối với hộ nghèo của ngân hàng, qua đó mạnh dạn đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm mở rộng hơn nữa cho vay hộ nghèo của ngân hàng. Cho vay đối với hộ nghèo của NHCSXH là vấn đề không đơn giản về cả lý thuyết và thực tiễn, vừa mang tính thời sự lại vừa mang tính lâu dài. Bản thân em mong muốn nhận được các ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo, những người quan tâm đến vấn đề này để đề tài được tiếp tục hoàn thiện hơn nữa. Em xin chân thành cảm ơn.